

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Đợt 1 tháng 4 năm 2026

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Sông Nhuệ, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 11-12/04/2026

Ngày cung cấp TT: 13/04/2026

3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	1	Cống Liên Mạc	Cống Liên Mạc 1 và 2 đóng.
2	3	Đập Hà Đông	Đập mở.
3	6	Đập Đồng Quan (Thượng lưu)	Đập mở.
4	8	Đập Nhật Tựu	Đập đóng.
5	9	Cống Lương Cổ	Cống mở thông.
6	13	Đập Thanh Liệt	Đập đóng.
7	14	Kênh Xuân La	Cống mở.
8	15	Kênh Phú Đô	Cống mở.
9	16	Kênh tiêu Trung Văn	Cống mở.
10	21	Kênh Yên Xá	Cống mở.
11	23	Kênh Hòa Bình	Cống đóng.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí.

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Tư vấn Chất lượng nước, Môi trường – Trung tâm Chất lượng và Bảo vệ tài nguyên nước, Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ, công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh Ninh Bình, Chi cục thủy lợi Hà Nội, Chi cục thủy lợi Ninh Bình.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Không có vị trí nào.**

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): **Cống Lương Cổ, cầu Phù Vân, Kênh Vân Đình tại cầu Bàu, Kênh Duy Tiên.**

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Thân, Đập Nhật Tựu, Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín, Kênh Hòa Bình.**

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng Liên Mạc, Đập Đồng Quan (Thượng lưu), Sông Đăm, Đập Thanh Liệt.**

Không đạt mức D: Cầu Diên, Đập Hà Đông, Cầu Tó, Cầu Xém, Sông Cầu Ngà, Kênh Xuân La, Kênh Phú Đô, Kênh tiêu Trung Văn, Cầu Am, Kênh La Khê, Kênh Yên Xá.

Khuyến nghị giải pháp: Mở các đập trên dòng chính sông Nhuệ thoát nước lưu ra sông Đáy. Tận dụng mực nước trên sông cao, tăng cường khả năng lấy nước vào hệ thống qua cống Liên Mạc và cống Tắc Giang nhằm tăng khả năng tự làm sạch trong hệ thống.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2023 - A</i>					6.5 – 8.5		≥ 6		
<i>QCVN 08:2023 - B</i>					6 – 8.5		≥ 5		
<i>QCVN 08:2023 - C</i>					6 – 8.5		≥ 4		
<i>QCVN 08:2023 - D</i>					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
1	Cống Liên Mạc	Đánh giá chất lượng nước vị trí đầu nguồn lấy nước vào hệ thống sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 26°C, độ ẩm 89%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 7 km/h. Cống Liên Mạc 1 và 2 đóng Hạ lưu cống dôn nhiều bèo. Không có dòng chảy. Nước màu xanh đen.	28.64	7.73	77.6	2.75	662	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
2	Cầu Diễn	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của Sông Đăm, kênh Xuân La vào.	Nhiệt độ ngoài trời 28°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 7 km/h. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu đen, mùi hôi thối. Trên sông có nhiều rác.	28.56	7.24	88.1	1.78	498	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
3	Đập Hà Đông	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ sau nhập lưu của sông Đăm, kênh Xuân La, kênh Phú Đô, sông	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 69%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 76%. Đập mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	28.8	7.56	103.1	0.28	735	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6		
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5		
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4		
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		Cầu Ngà, kênh Trung Văn, kênh La Khê vào.							
4	Cầu Tố	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ từ đập Hà Đông chảy về tiếp nhận nước thải từ kênh Yên Xá, sông Tô Lịch qua đập Thanh Liệt.	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 62%, gió Đông Nam 6 km/h. Mây 86%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu đen.	29.83	7.30	156.5	0.99	617	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
5	Cầu Xém	Đánh giá chất lượng nước vị trí trên trục chính của sông Nhuệ tiếp nhận nước thải từ nội thành đổ về tới cầu Xém.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 62%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 70%. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước thấp. Nước màu xanh đen.	30.18	7.85	110	1.97	649	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
6	Đập Đông	Đánh giá chất lượng nước vị	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 53%, gió Đông Nam 5 km/h, mây 92%.	31.1	7.85	114.5	3.41	469	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6			
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5			
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4			
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2			
	Quan (Thượng lưu)	trí trên trục chính của sông Nhuệ từ cầu Xém xuôi về tiếp nhận nước từ nhánh sông Tô Lịch tại Khánh Hà, Thường Tín và kênh Vân Đình vào.	Đập mở. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh đen.							không đạt mức B
7	Cầu Thần	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ. Vị trí này trước điểm chia nước từ dòng chính sông Nhuệ vào kênh Duy Tiên khoảng 150m.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 59%, gió Đông Nam 6km/h, mây 86%. Dòng chảy rất chậm về hạ lưu. Mực nước trung bình. Nước màu xanh.	30.80	7.94	66.8	4.91	468	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
8	Đập Nhật Tựu	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí lấy mẫu ở	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 60%, gió Đông Nam 6km/h, mây 80%. Đập đóng, không có dòng chảy. Nước màu xanh.	30.87	8.00	48.7	4.25	473	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6		
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5		
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4		
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		thượng lưu đập.							
9	Cống Lương Cỏ	Đánh giá chất lượng nước dòng chính sông Nhuệ tại vị trí cống.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 61%, gió Đông Nam 6km/h, mây 80%. Cống mở thông. Dòng chảy chậm về hạ lưu. Nước màu xanh lục.	31.12	8.07	215	5.64	474	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
10	Phủ Lý – cầu Phù Vân	Đánh giá chất lượng nước tại điểm cuối trên dòng chính sông Nhuệ trước khi sông Nhuệ nhập lưu vào sông Đáy.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 60%, gió Đông Nam 6km/h, mây 80%. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Đáy. Mực nước trung bình, nước màu xanh lục.	31.13	8.3	73.9	5.22	462	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO, pH đạt mức B
11	Sông Đăm	Đánh giá chất lượng nước trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 26°C, độ ẩm 88%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 7 km/h. Mực nước trung bình. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông Nhuệ. Nước màu xanh đen.	20.92	7.64	97.8	2.24	354	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
12	Sông Cầu Ngà	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu Ngà, nhánh nhập lưu	Nhiệt độ ngoài trời 27°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 7 km/h. Dòng chảy chậm ra nhập lưu sông	28.26	7.46	106.5	0.44	571	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6		
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5		
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4		
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		sông Nhuệ.	Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu đen.						
13	Đập Thanh Liệt	Đánh giá chất lượng nước sông Tô Lịch trước khi đổ vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 34°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 85%, gió Đông Nam 8 km/h. Đập đóng. Không có dòng chảy. Nước màu xanh đen.	29.65	8.1	207	3.25	490	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
14	Kênh Xuân La	Đánh giá chất lượng nước kênh Xuân La trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 26°C, độ ẩm 86%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 7 km/h. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Dòng chảy nhanh, xáo trộn rối ở hạ lưu. Nước màu đen, mùi hôi thối.	28.49	7.32	112	0.48	804	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
15	Kênh Phú Đô	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của làng bún Phú Đô và khu vực Mỹ Đình.	Nhiệt độ ngoài trời 27°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông Nam 8 km/h. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Dòng chảy chậm. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp. Nước màu xám đen, nổi bọt.	28.51	7.23	109	0.49	720	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
16	Kênh tiêu	Đánh giá chất lượng nước	Nhiệt độ ngoài trời 27°C, độ ẩm 82%, mật độ mây 100%, gió Đông-Đông	28.29	7.42	124.5	0.61	608	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị		
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6			
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5			
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4			
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2			
	Trung Văn	nhánh bên bờ tả sông Nhuệ, không chế nước thải của các khu đô thị, dân cư khu vực Trung Văn, Mỹ Đình.	Nam 8 km/h. Cổng mở. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Trạm bơm không hoạt động. Mực nước thấp, nước màu đen.							không đạt mức B
17	Cầu Am	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, không chế nước thải các khu đô thị dọc tuyến đường Lê Văn Lương và các khu dân cư quanh khu vực đổ vào.	Nhiệt độ ngoài trời 30°C, độ ẩm 76%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 80%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Đang làm kè kênh. Trên kênh có nhiều rác. Mực nước thấp, nước màu đen.	28.89	7.78	107	1.62	636	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	
18	Kênh La Khê	Đánh giá chất lượng nước kênh La Khê trước cổng tiêu ra sông Đáy, vị trí tại cuối	Nhiệt độ ngoài trời 30°C, độ ẩm 76%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 80%. Dòng chảy chậm về hướng Cầu Am. Mực nước trung bình. Nước màu đen.	29.02	7.78	167.5	0.23	643	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6		
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5		
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4		
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
		nguồn.							
19	Kênh Vân Đình tại Cầu Bàu	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ hữu sông Nhuệ, nối sông Nhuệ và sông Đáy.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 53%, mật độ mây 92%, gió Đông Nam 10 km/h. Dòng chảy về hướng sông Đáy. Mực nước thấp, nước màu xanh lục	31.99	8.02	112	5.32	500	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức A
20	Kênh Duy Tiên	Đánh giá chất lượng nước kênh Duy Tiên, kênh này lấy nước từ sông Nhuệ để tưới cho khu vực các huyện Lý Nhân, Duy Tiên.	Nhiệt độ ngoài trời 36°C, độ ẩm 59%, mật độ mây 86%, gió Đông Nam 6 km/h. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu xanh lục	31.90	8.34	91.3	5.42	457	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức A
21	Kênh Yên Xá	Đánh giá chất lượng nước nhánh bên bờ tả sông Nhuệ. Vị trí lấy mẫu tại hạ lưu kênh, trước khi đổ ra sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 32°C, độ ẩm 69%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 76%. Cống mở tiêu nước ra sông Nhuệ. Mực nước thấp. Nước màu xám đen.	28.55	7.83	110	0.9	761	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường					Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	Nhiệt độ	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A					6.5 – 8.5		≥ 6		
QCVN 08:2023 - B					6 – 8.5		≥ 5		
QCVN 08:2023 - C					6 – 8.5		≥ 4		
QCVN 08:2023 - D					< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2		
22	Sông Tô Lịch trước nhập lưu sông Nhuệ tại Khánh Hà-Thường Tín	Đánh giá chất lượng nước nhánh của sông Tô Lịch thuộc địa phận xã Khánh Hà huyện Thường Tín đổ vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 62%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 70%. Dòng chảy chậm ra sông Nhuệ. Mực nước trung bình. Trên sông có nhiều rác Nước màu xanh lục.	30.64	7.98	115	4.89	319	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B
23	Kênh Hòa Bình	Đánh giá chất lượng nước kênh Hòa Bình trước khi nhập lưu vào sông Nhuệ.	Nhiệt độ ngoài trời 35°C, độ ẩm 62%, gió Đông Nam 5km/h. Mây 70%. Cống đóng. Không có dòng chảy. Mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Nước màu xanh lục.	30.51	8.05	118	4.23	353	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV Đầu tư phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;
- Các Cty KTCTTL tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục Thủy lợi thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Ninh Bình;
- Lưu phòng Tư vấn CLN, MT.

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2026

**TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA
TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA**